TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-9-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Võ Sĩ H2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà H1 và ông H2 vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H1 trình bày:

Vào năm 2001, qua thời gian tìm hiểu, bà và ông Võ Sĩ H2 tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/8/2004. Cuộc sống của ông bà thời gian đầu H1 phúc, không có mâu thuẫn. Thế nhưng vào đầu năm 2020, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà quyết định xin ly hôn với ông H2.

Trong quá trình chung sống, bà và ông H2 có 02 người con chung là Võ

Khắc H3, sinh năm 2002 và Võ Ngọc U, sinh ngày 22/11/2012. Hiện cháu H3 là người thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U, bà không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng cho con.

Bà và ông H2 tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bà phải đi làm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Võ Sĩ H2 trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2004, hôn nhân là do tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhà cha mẹ ruột của ông được gần 02 năm thì ra cất nhà ở riêng. Ông bà chung sống hạnh phúc với nhau cho đến khi cách nay vài tháng, ông bà có tranh cãi và bà H1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Từ đó đến nay bà H1 đi làm cuối tuần về nhà, vợ chồng con cái vẫn sống chung nhà. Với yêu cầu xin ly hôn của bà H1, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ.

Ông và bà H1 có 02 người con chung là Võ Khắc H3, sinh năm 2002, là người thành niên, tự lao động sinh sống được và Võ Ngọc U, sinh ngày 22/11/2012. Cháu U hiện đang sống chung với ông bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý để bà H1 trực tiếp nuôi cháu U, ông không cấp dưỡng cho con.

Ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa ngày 07/9/2023, cho ông thêm thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu đến phiên tòa tiếp theo, bà H1 không rút lại đơn khởi kiện thì ông đồng ý để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do ông phải đi làm nên ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà H1 đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn ông H2 không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị H1. Bà Huỳnh Thị H1 được ly hôn với ông Võ Sĩ H2.

- Về con chung: giao cháu Võ Ngọc U, sinh ngày 22/11/2012 cho bà H1 tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận bà H1 không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng cho con.

Ông H2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông H2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Võ Sĩ H2. Ông H2 cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Thị H1 và ông Võ Sĩ H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1, ông H2.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H1 và ông H2 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 8 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H1 và ông H2 thì ông bà đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Bà H1 cho rằng từ năm 2020, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi và không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông H2 cho rằng cách nay vài tháng ông bà tranh cãi và bà H1 nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Với yêu cầu xin ly hôn của bà H1, ông H2 không đồng ý vì ông còn thương vợ.

Xét thấy, từ khi bà H1 nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà H1 và ông H2 không cải thiện được tình trạng hiện tại để kéo dài đời sống chung. Đồng thời, theo yêu cầu của ông H2, Tòa án đã hoãn phiên toà ngày 07/9/2023 để cho ông có thêm thời gian hàn gắn tình cảm với bà H1 nhưng ông H2 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đến nay bà H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông. Như vậy, giữa bà H1 và ông H2 không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà H1 và ông H2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H1 để giải quyết cho bà H1 được ly hôn với ông H2.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì bà H1 và ông H2 có 02 người con chung là Võ Khắc H3, sinh năm 2002 và Võ Ngọc U, sinh ngày 22/11/2012. Bà H1 và ông H2 đều cho rằng cháu H3 là người thành niên, tự lao động sinh sống được và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu U, hiện cháu U đang chung sống với ông bà. Bà H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U sau khi ly hôn. Ông H2 có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý giao cháu U cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Uyên là muốn được sống với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn của bà H1, giao cháu U cho bà H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà H1 có quyền yêu cầu ông H2 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu U. Tuy nhiên do bà H1 không yêu cầu ông H2 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H1 và ông H2 cùng trình bày ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H1. Bà Huỳnh Thị H1 được ly hôn với ông Võ Sĩ H2.

2. Về con chung: giao cháu Võ Ngọc U, sinh ngày 22/11/2012 cho bà Huỳnh Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận bà Huỳnh Thị H1 không yêu cầu ông Võ Sĩ H2 cấp dưỡng cho con.

Ông Võ Sĩ H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận bà Huỳnh Thị H1 và ông Võ Sĩ H2 cùng trình bày ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị H1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005995 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền